DANH SÁCH HỘ DÂN BỊ THIỆT HẠI VỀ CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ BỞI CƠN BÃO SỐ 13 VÀ MƯA LŨ THÁNG 11 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN XÃ XUÂN PHƯỚC (ĐỢT 2)

(THÔN PHÚ HỘI

(Kèm theo Thông báo số 580 /TB-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2026 của UBND xã Xuân Phước)

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ đất sản xuất		CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI, THỦY SẢN BỊ THIỆT HẠI								Kinh phí hỗ trợ (đồng)
					Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)								
					Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%					
			Xuân Phước	Xâm canh	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, …)	Lúa	Bắp	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, …)	
A	B	C	D	E	1	2	3=(1)+(2)	4	5	6	7	8=5+(6)+(7)	9
1	NGUYỄN THANH NGỌC	PHÚ HỘI		XÂM CANH	2,50		2,50					0,00	18.750.000
2	TRẦN CỘNG	PHÚ HỘI	PHÚ HỘI			0,53	0,53				0,05	0,05	4.725.000
3	LÊ MINH QUANG	PHÚ HỘI	PHÚ HỘI			0,10	0,10	0,14				0,00	2.150.000
4	LÊ THỊ THANH BÌNH	PHÚ HỘI		Hòn rùa, Hòa ngãi,Vân Hòa		1,40	1,40					0,00	10.500.000
5	NGUYỄN THẠNH	PHÚ HỘI		Lổ ngang,vân hòa		6,00	6,00					0,00	45.000.000
	TỔNG CỘNG				**2,50**	**8,03**	**10,53**	**0,14**	**0,00**	**0,00**	**0,05**	**0,05**	**81.125.000**

DANH SÁCH HỘ DÂN BỊ THIỆT HẠI VỀ CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ BỞI CƠN BÃO SỐ 13 VÀ MƯA LŨ THÁNG 11 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN XÃ XUÂN PHƯỚC (ĐỢT 2)
THÔN PHÚ XUÂN A

(Kèm theo Thông báo số 580/TB-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2026 của UBDN xã Xuân Phước)

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ đất sản xuất	DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI, THỦY SẢN BỊ THIỆT HẠI										Kinh phí hỗ trợ (đồng)
				Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)									Gia cầm (con)	
				Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%					Cây lâu năm (mắc ca)		
				Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, …)	Lúa	Bắp	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, …)			
A	B	C	D	1	2	3=(1)+(2)	4	5	6	7	8=(6)+7)	9	10	11
1	PHAN THANH YÊN	PHÚ XUÂN A	Suối Cấu 2	3,60		3,60					0,00			27.000.000
2	TRẦN THỊ MAI	PHÚ XUÂN A	PHÚ XUÂN A	0,30		0,30					0,00			2.250.000
3	NGUYỄN CÔNG PHƯỚC	PHÚ XUÂN A	PHÚ XUÂN A	0,15	0,20	0,35					0,00			2.625.000
4	NGUYỄN THỊ LAN	PHÚ XUÂN A				0,00					0,00		110	4.180.000
5	NGUYỄN TẤN HÙNG	PHÚ XUÂN A	Suối Cấu 2	6,80		6,80					0,00			51.000.000
	TỔNG CỘNG			**10,85**	**0,20**	**11,05**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**110**	**87.055.000**

DANH SÁCH HỘ DÂN BỊ THIỆT HẠI VỀ CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ BỞI CƠN BÃO SỐ 13 VÀ MƯA LŨ THÁNG 11 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN XÃ XUÂN PHƯỚC (ĐỢT 2)

XÃ PHÚ XUÂN B

(Kèm theo Thông báo số 580 /TB-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2026 của UBND xã Xuân Phước)

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ đất sản xuất		DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI, THỦY SẢN BỊ THIỆT HẠI								Kính phí hỗ trợ (đồng)
					Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)							Gia cầm (con)	
					Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%					
			Xuân Phước	Xâm canh	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, …)	Bắp	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn	Cây lâu năm (cây ăn quả)		
A	B	C	D	E	1	2	3=(1)+(2)	4	5	6=4+5	7	8	9
1	ĐINH VĂN SỸ	Đội 5-PXB	Phú xuân B				0,00			0,00	0,06		1.200.000
2	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	Đội 9-PXB	Phú xuân B				0,00			0,00		52	1.976.000
3	NGUYỄN VĂN SỰ	Đội 2-PXB	Phú xuân B				0,00			0,00		190	7.220.000
4	TĂNG HỮU HIỆP	ĐỘI 4-PXB	Phú xuân B				0,00			0,00		136	5.168.000
5	NGUYỄN THẾ GIANG	ĐỘI 5-PXB	Phú xuân B				0,00			0,00		15	570.000
6	NGUYỄN VĂN TRÍ	ĐỘI 4-PXB	Phú xuân B		0,11		0,11			0,00			825.000
7	HỒ VĂN DƯ	ĐỘI 1-PXB	Phú xuân B				0,00			0,00		40	1.520.000
8	TRƯƠNG THỊ HOÀNG ANH	ĐỘI 7-PXB	Phú xuân B				0,00			0,00		27	1.026.000
9	HUỲNH THỊ NGHĨA	ĐỘI 5-PXB	Phú xuân B				0,00			0,00	0,11	10	2.580.000
10	NGUYỄN THỊ BẢY	ĐỘI 6-PXB	Phú xuân B				0,00			0,00		30	1.140.000
11	Nguyễn Văn Biên	Đội 9-PXB		Lô 17, Suối Cối 2,		1,3	1,30			0,00			9.750.000
12	Trần Thị Thanh Phượng	Đội 3-PXB		ở Hòa Thuận, Hòa Ngãi, Vân Hòa		1,7	1,70	0,9		0,90			26.250.000
13	NGÔ THỊ TÚ ANH	PHÚ XUÂN B		XÂM CANH	1,2		1,20			0,00			9.000.000

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ đất sản xuất		DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI, THỦY SẢN BỊ THIỆT HẠI								Kính phí hỗ trợ (đồng)
					Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)							Gia cầm (con)	
					Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%					
					Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn,	Bắp	Sắn	Tổng cây hàng năm	Cây lâu năm (cây ăn		
14	NGUYỄN CẦU	PHÚ XUÂN B		XÂM CANH	3,20		3,20			0,00			24.000.000
15	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	PHÚ XUÂN B		XÂM CANH	0,70		0,70			0,00			5.250.000
16	PHAN THỊ THANH TÂM	PHÚC XUÂN B		XÂM CANH	6,92		6,92			0,00			51.900.000
17	NGUYỄN VĂN QUANG	PHÚ XUÂN B		XÂM CANH	3,50		3,50			0,00			26.250.000
18	PHAN THỊ BƯỚC (LÊ VĂN CHÍ)	PHÚ XUÂN B		XÂM CANH	4,00		4,00			0,00			30.000.000
19	PHẠM HỒNG QUANG	PHÚ XUÂN B		XÂM CANH	3,00		3,00			0,00			22.500.000
20	NGUYỄN THÁI TÂM	đội 1, PXB		XÂM CANH	2,0		2,00			0,00			15.000.000
21	HỒ VĂN HẬU	đội 1, PX B		XÂM CANH	1,0		1,00			0,00			7.500.000
22	HỒ THANH PHƯƠNG	đội 1, PX B		XÂM CANH	4,0		4,00			0,00			30.000.000
23	HỒ MINH HOAN	đội 1, PX B		XÂM CANH	3,00		3,00			0,00			22.500.000
24	NGÔ THỊ KIM TRANG	đội 1, PX B		XÂM CANH	0,50		0,50			0,00			3.750.000
25	NGUYỄN THỊ SƠN	đội 1, PX B		XÂM CANH	1,00		1,00			0,00			7.500.000
26	NGUYỄN ĐỨC VINH	đội 1, PX B		XÂM CANH	2,00		2,00			0,00			15.000.000
27	NGUYỄN VĂN LAM	đội 1, PX B		XÂM CANH	1,20		1,20			0,00			9.000.000
28	NGUYỄN THỊ LIÊN	đội 1, PX B		XÂM CANH	3,60		3,60			0,00			27.000.000
29	ĐẶNG VĂN CA	PHÚ XUÂN B	PHÚ XUÂN B		1,10		1,10						8.250.000
30	ĐẶNG VĂN TÁNH	PHÚ XUÂN B	PHÚ XUÂN B		3,60		3,60						27.000.000
	TỔNG CỘNG				**45,6**	**3,0**	**48,63**	**0,90**	**0,00**	**0,90**	**0,17**	**500**	**400.625.000**

DANH SÁCH HỘ DÂN BỊ THIỆT HẠI CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ BỞI CƠN BÃO SỐ 13 VÀ MƯA LŨ THÁNG 11 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN XÃ XUÂN PHƯỚC (ĐỢT 2)
XÃ PHƯỚC HÒA

(Kèm theo Thông báo số 580 /TB-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2026 của UBND xã Xuân Phước)

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ đất sản xuất		DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI, THỦY SẢN BỊ THIỆT HẠI								Kinh phí
					Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)							Gia cầm (con)	
					Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%					
			Xuân Phước	Xâm canh	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, …)	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, …)	Cây lâu năm (cây ăn quả)		
A	B	C	D	E	1	2	3=1+2	4	5	6=4+5	7	8	0
1	NGUYỄN THỊ YẾN	PHƯỚC HÒA	PHƯỚC HÒA			1,20	1,20			0,00			9.000.000
2	NGUYỄN DUY HOÀI	PHƯỚC HÒA	PHƯỚC HÒA			2,50	2,50			0,00			18.750.000
3	NGUYỄN THỊ GÁI	PHƯỚC HÒA	PHƯỚC HÒA			0,10	0,10			0,00			750.000
4	NGUYỄN THANH XUÂN	PHƯỚC HÒA	PHƯỚC HÒA				0,00			0,00		60	2.280.000
5	LÊ QUỐC DŨNG	PHƯỚC HÒA	PHƯỚC HÒA			0,3	0,30			0,00			2.250.000
6	PHẠM VĂN LÂM	PHƯỚC HÒA	PHƯỚC HÒA		0,3		0,30			0,00	0,04	50	4.950.000
7	BÙI NGỌC HOÀNG	PHƯỚC HÒA	PHƯỚC HÒA		0,2		0,20			0,00			1.500.000
8	PHAN VĂN HOAN	PHƯỚC HÒA		suối cấu 2	1,2	0,4	1,60			0,00			12.000.000
9	MAI THỊ XUÂN VƯƠNG	PHƯỚC HÒA		suối cấu 2		0,6	0,60			0,00			4.500.000
10	LÊ LỢI	PHƯỚC HÒA		vân hòa	4,10		4,10			0,00			30.750.000
11	VÕ THỊ HOA	PHƯỚC HÒA					0,00			0,00		30	1.140.000
12	CAO THANH LỊCH	PHƯỚC HÒA	PHƯỚC HÒA		4,2	0,7	4,90			0,00			36.750.000
13	CAO THANH GIANG	PHƯỚC HÒA	PHƯỚC HÒA		2	0,3	2,30			0,00			17.250.000
14	ĐINH NGUYỄN NHƯ MINH	PHƯỚC HÒA	PHƯỚC HÒA		5,6		5,60			0,00			42.000.000

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ đất sản xuất		DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI, THỦY SẢN BỊ THIỆT HẠI								Kinh phí
					Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)								
					Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%					
					Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn,	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn,	Cây lâu năm (cây	Gia cầm	
15	TRẦN XUÂN LONG	PHƯỚC HÒA	PHƯỚC HÒA		2,4		2,40			0,00			18.000.000
16	LÊ NGỌC TUẤN	PHƯỚC HÒA				1,5	1,50			0,00			11.250.000
	TỔNG CỘNG				**20,00**	**7,60**	**27,60**	**0**	**0**	**0**	**0,04**	**140**	**213.120.000**

DANH SÁCH HỘ DÂN BỊ THIỆT HẠI CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ BỞI CƠN BÃO SỐ 13 VÀ MƯA LŨ THÁNG 11 NĂM 2025 CÂY TRỒNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ XUÂN PHƯỚC (ĐỢT 2)
THÔN SUỐI MÂY

(Kèm theo Thông báo số 580 /TB-UBND ngày *21* tháng 9 năm 2026 của UBND xã Xuân Phước)

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ đất sản xuất		DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI, THỦY SẢN BỊ THIỆT HẠI (HA)								Kinh phí hỗ trợ (đồng)
					Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)								
					Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%					
			Xuân Phước	Xâm canh	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, …)	Lúa	Bắp	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, …)	
A	B	C	D	E	1	2	3=(1)+(2)	4	5	6	7	8=5+(6)+(7)	9
1	LÊ MO Y PHI	SUỐI MÂY		Xâm canh	4,00		4,00					0,00	30.000.000
2	LÊ VĂN THƠM	SUỐI MÂY		Xâm canh	1,00		1,00					0,00	7.500.000
3	LA MO THỊ HẰNG	SUỐI MÂY		Xâm canh	1,00		1,00					0,00	7.500.000
4	LÊ MO ĐIỀU	SUỐI MÂY		Xâm canh	4,00		4,00					0,00	30.000.000
5	LA MO THỊ PHƯỢNG	SUỐI MÂY		Xâm canh	0,90		0,90					0,00	6.750.000
6	SÔ MINH VỆ	SUỐI MÂY		Xâm canh	2,20		2,20					0,00	16.500.000
7	LÊ Y DÙ	SUỐI MÂY		Xâm canh	1,20		1,20					0,00	9.000.000
8	LÊ MO Y RA	SUỐI MÂY		Xâm canh	1,60		1,60					0,00	12.000.000
9	LÊ O VĂN BẢO	SUỐI MÂY		Xâm canh	0,68		0,68					0,00	5.100.000

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ đất sản xuất		DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI, THỦY SẢN BỊ THIỆT HẠI (HA)								Kinh phí hỗ trợ (đồng)
					Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)								
					Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%					
					Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn,	Lúa	Bắp	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn,	
10	LA LAN VINH	SUỐI MÂY		Xâm canh	0,80		0,80					0,00	6.000.000
11	SO THIỊ LAN	SUỐI MÂY		Xâm canh	1,50		1,50					0,00	11.250.000
12	LÊ MO NHEM	SUỐI MÂY		Xâm canh	1,50		1,50					0,00	11.250.000
13	SO THIỆN	SUỐI MÂY		Xâm canh	0,50		0,50					0,00	3.750.000
14	SO THỊ DÙNG	SUỐI MÂY		Xâm canh	0,60		0,60					0,00	4.500.000
15	PHAN NGỌC VINH	LAN SƠN, TUY AN		Xâm canh	4,30		4,30					0,00	32.250.000
16	LA MO Y MỸ	SUỐI MÂY		Xâm canh	1,00		1,00					0,00	7.500.000
17	LA LAN VẢNH	SUỐI MÂY		Xâm canh	2,00		2,00					0,00	15.000.000
18	LA MO Y TRƯỜNG	SUỐI MÂY		Xâm canh	1,00		1,00					0,00	7.500.000
19	LA MO THỊ ĐIỆP	SUỐI MÂY		Xâm canh	1,00		1,00					0,00	7.500.000
20	LA MO VẮNG	SUỐI MÂY		Xâm canh	0,80		0,80					0,00	6.000.000
21	LA MO ẢNH	SUỐI MÂY		Xâm canh	4,80		4,80					0,00	36.000.000
22	LA MO NÕN	SUỐI MÂY		Xâm canh	2,30		2,30					0,00	17.250.000
23	SO THIỆN	SUỐI MÂY		Xâm canh			0,00	0,30				0,00	3.000.000

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ đất sản xuất		DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI, THỦY SẢN BỊ THIỆT HẠI (HA)								Kinh phí hỗ trợ (đồng)
					Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)								
					Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%					
					Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn,	Lúa	Bắp	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn,	
24	NGUYỄN VĂN TRUNG	SUỐI MÂY		Xâm canh	1,60		1,60					0,00	12.000.000
25	LÊ CHÍ TÂM	SUỐI MÂY		Xâm canh	4,00		4,00					0,00	30.000.000
26	LÊ THỊ TUYẾT PHI	SUỐI MÂY		Xâm canh	3,50		3,50					0,00	26.250.000
27	LÊ NGỌC HẢI	SUỐI MÂY		Xâm canh	0,90		0,90					0,00	6.750.000
28	LA MO VÀNG	SUỐI MÂY		Xâm canh	2,00		2,00					0,00	15.000.000
29	LA MO THỊ ƯỚI	SUỐI MÂY		Xâm canh	2,50		2,50					0,00	18.750.000
30	LA MO THỊ MÈO	SUỐI MÂY		Xâm canh	1,00		1,00					0,00	7.500.000
31	LA MO ĐIỂU	SUỐI MÂY		la căng			0,00	0,30				0,00	3.000.000
32	SEO Y TÂM	SUỐI MÂY	suối mây		1,10		1,10					0,00	8.250.000
33	LA MO Y XẸP	SUỐI MÂY		Suối cấu	0,80		0,80					0,00	6.000.000
34	SEO THỊ TÁP	SUỐI MÂY		Suối cối 2	1,00		1,00					0,00	7.500.000
35	LÊ MO VĂN TRIỂN	SUỐI MÂY		vân hòa	2,00		2,00					0,00	15.000.000
36	SÔ MINH VỆ	SUỐI MÂY		vân hòa	2,50		2,50					0,00	18.750.000
37	SO MINH THÁNG	SUỐI MÂY		hòa ngãi, vân hòa	1,90		1,90					0,00	14.250.000

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ đất sản xuất		DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI, THỦY SẢN BỊ THIỆT HẠI (HA)								Kinh phí hỗ trợ (đồng)
					Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)								
					Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%					
					Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn,	Lúa	Bắp	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn,	
	TỔNG CỘNG				**63,480**	**0,000**	**63,5**	**0,6**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**482.100.000**

DANH SÁCH HỘ DÂN BỊ THIỆT HẠI VỀ CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ BỞI CƠN BÃO SỐ 13 VÀ MƯA LŨ THÁNG 11 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN XÃ XUÂN PHƯỚC (ĐỢT 2)
TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Thông báo số 580 /TB-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2026 của UBND xã Xuân Phước)

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ đất sản xuất xâm canh	DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI, THỦY SẢN BỊ THIỆT HẠI (HA)							Kinh phí hỗ trợ (đồng)
				Diện tích cây t rồng bị thiệt hại (ha)							
				Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%				
				Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, …)	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, …)	Cây lâu năm (cây ăn quả)	
A	B	C	D	1	2	3=(1+2	4	5	6=4+5	7	8
1	NGUYỄN DÂN	PHƯỚC NHUẬN	Trung Lương 2, Tuy An Tây		2,2	2,20			0,00		16.500.000
2	ĐẶNG XUÂN TÌNH	PHƯỚC NHUẬN	Hòa Ngãi,Vân Hòa	1,0		1,00			0,00		7.500.000
3	TRÌNH VĂN HIỆP (LIỄU)	PHƯỚC NHUẬN	La căng	4,0		4,00			0,00		30.000.000
TỔNG CỘNG				**5,00**	**2,20**	**7,20**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**54.000.000**

DANH SÁCH HỘ DÂN BỊ THIỆT HẠI VỀ CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ BỞI CƠN BÃO SỐ 13 VÀ MƯA LŨ THÁNG 11 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN XÃ XUÂN PHƯỚC (ĐỢT 2)
HỒN THANH ĐỨC

(Kèm theo Thông báo số 580 /TB-UBND ngày *21* tháng 9 năm 2026 của UBND xã Xuân Phước)

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ đất sản xuất	DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI, THỦY SẢN BỊ THIỆT HẠI							Kinh phí hỗ trợ (đồng)
				Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)							
				Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%				
				Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, …)	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, …)	Gia cầm (con)	
A	B	C	D	1	2	3=(1)+2	4	5	6=4+5	7	8
1	NGUYỄN HỒNG SƠN	THẠNH ĐỨC		0,0		0,0			0,0	10	380.000
2	TRẦN THỊ TÁM	THẠNH ĐỨC		0,0		0,0			0,0	10	380.000
3	NGUYỄN ANH DŨNG	THẠNH ĐỨC		0,0		0,0			0,0	10	380.000
4	NGUYỄN VĂN HÒA	THẠNH ĐỨC		0,0		0,0			0,0	20	760.000
5	PHAN THỊ THÀNH	THẠNH ĐỨC		0,0		0,0			0,0	40	1.520.000
6	ĐỖ THỊ MINH HƯƠNG	THẠNH ĐỨC	13 An nghiệp	0,85		0,8			0,0		6.375.000
	TỔNG CỘNG			**0,8**	**0,0**	**0,8**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**90**	**9.795.000**

TỔNG HỢP DANH SÁCH HỘ DÂN BỊ THIỆT HẠI CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ BỞI CƠN BÃO SỐ 13 VÀ MƯA LŨ THÁNG 11 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN XÃ XUÂN PHƯỚC (ĐỢT 2)

(Kèm theo Thông báo số 580 /TB-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của UBND xã Xuân Phước)

STT	CÁC THÔN	Số hộ	Cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại theo đơn hộ dân đề nghị (ha)									Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
			Diện tích cây trồng bị thiệt hại (ha)								Gia cầm (con)		
			Mức thiệt hại từ 30% đến 70%			Mức thiệt hại trên 70%							
			Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, …)	Lúa	Bắp	Mía	Sắn	Tổng cây hàng năm (mía, sắn, …)	Cây lâu năm (cây ăn quả)			
A	B	C	1	2	3=(1)+(2)	4	5	6	7	8=(6)+(7)	9	10	11	12
1	PHÚ HỘI	5	2,50	8,03	**10,53**	0,14	0,00	0,00	0,05	**0,05**			81.125.000	
2	PHÚ XUÂN A	5	10,85	0,20	**11,05**	0,00	0,00	0,00	0,00	**0,00**	0,00	110	87.055.000	
3	PHÚ XUÂN B	30	45,6	3,0	**48,63**	0,0	0,9	0,00	0,00	**0,90**	0,2	500	400.625.000	
4	PHƯỚC HÒA	16	20,00	7,60	**27,60**	0,00	0,00	0,00	0,00	**0,00**	0,04	140,0	213.120.000	
5	SUỐI MÂY	37	63,48	0,00	**63,48**	0,60	0,00	0,00	0,00	**0,00**			482.100.000	
6	PHƯỚC NHUẬN	3	5,00	2,20	**7,20**	0,00	0,00	0,00	0,00	**0,00**			54.000.000	
7	THẠNH ĐỨC	6	0,85	0,00	**0,85**	0,00	0,00	0,00	0,00	**0,00**		90	9.795.000	
	TOÀN XÃ	**102**	**148,31**	**21,03**	**169,34**	**0,74**	**0,90**	**0,00**	**0,05**	**0,95**	**0**	**840**	**1.327.820.000**	